

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HS-ST

Ngày 15 – 9 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Quốc Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Lan Anh và bà Phan Thị Lan Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Thị Th, sinh ngày 02/01/1976 tại phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hóa); nơi cư trú: Tổ dân phố 1 Hải Thành, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Sót và bà Nguyễn Thị Thành; có chồng Trần Văn Ninh và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 02/10/1996 bị Công an thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính 100.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản công dân, đã thi hành. Ngày 03/6/2009 bị Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính 150.000 đồng về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã thi hành. Ngày 27/9/2010 bị Toà án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn. Ngày 31/8/2015 ra Trại về sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2025 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình đến ngày 19/6/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh và ngày 22/8/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ dân phố 7 Hải Thành, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Trương Thị Thu Th, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn Hà Thôn, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ dân phố 10 Nam Lý, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02/2022 đến tháng 09/2024, bị cáo Lê Thị Thủy cho 03 người vay với 19 gói vay, tổng số tiền các gói vay là 475.000.000 đồng, lãi suất mà bị cáo cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Tổng số tiền lãi 626.250.000 đồng (thực tế mới thu được 581.245.000 đồng), trong đó tiền lãi được phép thu là 68.630.137 đồng (thực tế mới thu được 63.698.630 đồng), tiền thu lợi bất chính là 557.619.862 đồng (thực tế bị cáo chỉ thu được 512.619.862 đồng), cụ thể:

1. Lê Thị Th cho chị Trương Thị Thu Th vay

Hai bên thỏa thuận mức lãi suất 5.000đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày, quy ước cứ 10 ngày trả tiền một lần. Tổng cộng Thủy cho Thúy vay 06 lần với tổng số tiền 330.000.000 đồng.

+ *Lần thứ 1:* Tháng 06/2022, chị Thúy vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương 182,5%/năm. Thủy thu tiền lãi trước của 10 ngày là 2.500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 82.500.000 đồng, Thủy thu lợi bất chính 73.458.904 đồng.

+ *Lần thứ 2:* Tháng 07/2022, chị Thúy vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày, tương đương 182,5%/năm. Thủy thu tiền lãi trước của 10 ngày là 2.500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 75.000.000 đồng, Thủy thu lợi bất chính 66.780.822 đồng.

+ *Lần thứ 3:* Tháng 07/2022, chị Thúy tiếp tục vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày, tương đương 182,5%/năm. Thủy thu tiền lãi trước của 10 ngày là 2.500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 75.000.000 đồng, Thủy thu lợi bất chính 66.780.822 đồng.

+ *Lần thứ 4:* Tháng 08/2022, chị Thúy vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm. Thủy thu tiền lãi trước của 10 ngày là 2.500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 67.500.000 đồng, Thủy thu lợi bất chính 60.102.740 đồng.

+ *Lần thứ 5:* Tháng 08/2022, chị Thúy tiếp tục vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm. Thủy thu tiền lãi trước của 10 ngày là 2.500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 67.500.000 đồng, Thủy thu lợi bất chính 60.102.740 đồng.

+ *Lần thứ 6:* Tháng 11/2022, chị Thúy vay 80.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm. Thủy thu tiền lãi trước của 10 ngày là 4.000.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 72.000.000 đồng, Thủy thu lợi bất chính 64.109.589 đồng.

Do chị Thúy không có tiền trả nên tháng 05/2023, Thủy và chị Thúy chốt số tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng, nợ lãi là 190.000.000 đồng và không tiếp tục tính lãi. Đến nay, chị Thúy đã trả hết số tiền lãi 190.000.000 cho Thủy nhưng vẫn nợ số tiền gốc.

2. Lê Thị Thuỷ cho chị Hoàng Thị L vay

Hai bên thỏa thuận quy ước cứ 10 ngày trả tiền một lần. Tổng cộng Thuỷ cho Lan vay 12 lần với tổng số tiền 135.000.000 đồng, lãi suất mỗi gói vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm.

+ *Lần thứ 1*: Ngày 23/02/2022, chị Lan vay 30.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 1.500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 45.000.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 40.068.493 đồng.

+ *Lần thứ 2*: Ngày 26/3/2022, chị Lan vay 10.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 13.500.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 12.020.452 đồng.

+ *Lần thứ 3*: Ngày 28/3/2022, chị Lan vay 10.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 13.500.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 12.020.452 đồng.

+ *Lần thứ 4*: Ngày 14/7/2022, chị Lan vay 10.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 7.500.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 6.678.082 đồng.

+ *Lần thứ 5*: Ngày 19/7/2022, chị Lan vay 5.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 250.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 3.750.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 3.339.041 đồng.

+ *Lần thứ 6*: Ngày 02/8/2022, chị Lan vay 10.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 9.000.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 8.013.699 đồng.

+ *Lần thứ 7*: Ngày 17/8/2022, chị Lan vay 10.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 7.500.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 6.678.082 đồng.

+ *Lần thứ 8*: Ngày 05/9/2022, chị Lan vay 10.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận 36.000.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 32.054.795 đồng.

+ *Lần thứ 9*: Ngày 21/9/2022, chị Lan vay 20.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 1.000.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 12.000.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 10.684.932 đồng.

+ *Lần thứ 10*: Ngày 25/9/2022, chị Lan vay 5.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 250.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 4.500.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 4.006.849 đồng.

+ *Lần thứ 11*: Ngày 26/9/2022, chị Lan vay 5.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 250.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 18.000.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 16.027.397 đồng.

+ *Lần thứ 12*: Ngày 23/10/2022, chị Lan vay 10.000.000 đồng, Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận 9.000.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 8.013.699 đồng.

Các gói vay chị Lan đã trả đủ gốc và lãi cho Thuỷ theo thoả thuận, riêng gói thứ 8 và gói thứ 11 chị Lan không có khả năng trả nên đến tháng 09/2024, chị Lan và Thuỷ thoả thuận chốt nợ không tiếp tục tính lãi. Chị Lan còn nợ Thuỷ 45.000.000 đồng tiền lãi và 14.000.000 đồng tiền gốc của 02 gói vay trên. Tại phiên tòa bị cáo Lê

Thị Th tự nguyện không yêu cầu chị Lan phải có nghĩa vụ trả cho bị cáo số tiền lãi 45.000.000 đồng mà chị Lan còn nợ bị cáo.

3. Lê Thị Thuỷ cho chị Trần Thị H vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, ngày 20/11/2023, lãi suất mỗi gói vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm trong thời hạn 05 tháng. Thuỷ thu tiền lãi trước của 10 ngày là 500.000 đồng. Tiền lãi phải trả theo thoả thuận 7.500.000 đồng, Thuỷ thu lợi bất chính 6.678.082 đồng.

Gói vay này chị Hà trả đủ tiền lãi, còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. Trước khi mở phiên tòa, chị Hà đã trả cho bị cáo tiếp số tiền 6.000.000 đồng. Hiện chị Hà còn nợ bị cáo 4.000.000 đồng tiền gốc.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) đã thu giữ của Lê Thị Thuỷ số tiền 22.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, số IMEI: 351402858381513, đã qua sử dụng; 01 giấy mượn tiền mang tên Trần Thị Thúy Kiều; 01 giấy mượn tiền mang tên Hoàng Thị L ngày 02/12/2024; 01 giấy mượn tiền mang tên Trương Thị Hải Yến ngày 13/5/2022; 01 giấy bán xe mang tên Phạm Thị Anh Thúy ngày 17/08/2024; 01 tờ giấy ô li mang tên Trương Thị Thu Th ngày 05/11/2023 không rõ tiêu đề; 01 tờ giấy ô li mang tên Trương Thị Thúy ngày 06/5/2022.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSKV1-KT ngày 20/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 đã truy tố bị cáo Lê Thị Th về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm khoản 2 Điều 201; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Th số tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng; Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động; tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 giấy mượn tiền mang tên Trần Thị Thúy Kiều; 01 giấy mượn tiền mang tên Hoàng Thị L ngày 02/12/2024; 01 giấy mượn tiền mang tên Trương Thị Hải Yến ngày 13/5/2022; 01 giấy bán xe mang tên Phạm Thị Anh Thúy ngày 17/08/2024; 01 tờ giấy ô li mang tên Trương Thị Thu Th ngày 05/11/2023 không rõ tiêu đề; 01 tờ giấy ô li mang tên Trương Thị Thúy ngày 06/5/2022.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị:

+ Buộc bị cáo nộp sung công quỹ nhà nước số tiền (gốc) mà bị cáo dùng để cho vay mà người vay đã trả lại cho bị cáo là 127.000.000 đồng. Được trừ vào số tiền 22.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ từ bị cáo và số tiền 80.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp trước khi phiên tòa diễn ra, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 25.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Lê Thị Th nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 63.698.630 đồng là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay.

+ Buộc người có nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Thu Th nộp để sung công quỹ nhà nước số tiền 330.000.000 đồng; chị Hoàng Thị L nộp để sung công quỹ nhà số tiền 14.000.000 đồng; Buộc chị Trần Thị H nộp để sung công quỹ nhà nước số tiền 4.000.000 đồng;

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Thị Th về việc không yêu cầu chị Hoàng Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bị cáo số tiền lãi 45.000.000 đồng mà chị Lan còn nợ bị cáo.

Về án phí và quyền kháng cáo: đề nghị áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H có ý kiến: Chị thừa nhận lời khai của bị cáo là đúng, hiện chị còn nợ bị cáo 4.000.000 đồng vì thời gian qua chị đã trả cho bị cáo số tiền gốc 6.000.000 đồng rồi. Còn số tiền 6.678.082 đồng mà bị cáo thu lợi bất chính từ chị, bị cáo đã hoàn trả cho chị rồi nên chị không có yêu cầu gì, còn về hình phạt chị mong Tòa án xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Thu Th và chị Hoàng Thị L vắng mặt nhưng đều có đơn xin xác nhận và đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đó chị Thúy xác nhận số tiền 391.335.616 đồng mà bị cáo thu lợi bất chính từ chị, bị cáo đã hoàn trả cho chị rồi nên chị không có yêu cầu gì, còn về hình phạt chị mong Tòa án xem xét giảm nhẹ cho bị cáo; chị Lan xác nhận số tiền 119.537.671 đồng mà bị cáo thu lợi bất chính từ chị, bị cáo đã hoàn trả cho chị rồi nên chị không có yêu cầu gì, còn về hình phạt chị mong Tòa án xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với toàn bộ nội dung bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định pháp luật về tố tụng.

Việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Thu Th và chị Hoàng Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Mặt khác, trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, đã thu thập được lời khai của những người này, nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Th đã khai nhận: Chính bị cáo trong thời gian từ tháng 02/2022 đến tháng 9/2024 đã cho chị Trương Thị Thu Th, Hoàng Thị L và chị Trần Thị H vay lãi nặng với tổng số tiền 475.000.000 đồng, lãi suất 182,9%/năm, vượt gấp 9,12 lần mức lãi suất cao nhất

được quy định trong Bộ luật dân sự, số tiền thu lợi bất chính tính theo lãi suất 557.619.862 đồng (thực tế bị cáo mới thu được 512.619.862 đồng), số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 68.630.137 đồng (thực tế mới thu được 63.698.630 đồng). Xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của bị cáo Lê Thị Th đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Bị cáo nhận thức được việc cho vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ Luật dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, cộng ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện vi phạm tội. Bị cáo đã thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng, mà số tiền thu lợi bất chính của mỗi lần phạm tội từ 30.000.000 đồng trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo từng bị xử lý hành chính và bị Tòa án xử phạt tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đáng lẽ sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo phải lấy đó làm bài học, rút kinh nghiệm cho bản thân để sống lương thiện nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, trong quá điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tự nguyện nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 số tiền 80.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo đã hoàn trả đầy đủ số tiền thu lợi bất chính cho chị Trương Thị Thu Th, chị Hoàng Thị Lam và chị Trần Thị H, được chị Thúy, chị Lan và chị Hà xác nhận; trong những năm từ năm 2024 đến 2026 bị cáo đã có công làm từ thiện tặng 19 chiếc xe đạp, số tiền 7.000.000 đồng và 60kg gạo cho Trường Tiểu học và THCS Phú Hải và Trường tiểu học Hải Thành có xác nhận của hai Nhà trường, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bà nội là bà Phạm Thị Nương được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo được chị Thúy, chị Lan và chị Hà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần xem xét thêm cho bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã khắc phục gần xong hậu quả nên có khả năng tự tu dưỡng, rèn luyện, cải tạo bản thân. Vì vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ nghiêm, đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét hình phạt chính đối với bị cáo là hình phạt tiền rồi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Số tiền bị cáo Lê Thị Th cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay được xác định tiền sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Theo đó, cần buộc bị cáo nộp sung công quỹ nhà nước số tiền (gốc) mà bị cáo dùng để cho vay mà người vay đã trả lại cho bị cáo là 127.000.000 đồng. Được trừ vào số tiền 22.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ từ bị cáo và số tiền 80.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp trước khi phiên tòa diễn ra, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 25.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo thu được là 63.698.630 đồng để tịch thu sung vào quỹ Nhà nước.

Đối với các hợp đồng đang thực hiện cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay còn lại chưa thanh toán cho bị cáo Lê Thị Th cụ thể là: Chị Trương Thị Thu Th phải nộp 330.000.000 đồng, chị Hoàng Thị L phải nộp số tiền 14.000.000 đồng và chị Trần Thị H phải nộp số tiền 4.000.000 đồng.

Đối với số tiền mà bị cáo Lê Thị Th đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị Thu Th, chị Hoàng Thị L và chị Trần Thị H. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Thủy đã tự nguyện hoàn trả lại số tiền thu lợi bất chính cho chị Trương Thị Thu Th, Hoàng Thị L và chị Trần Thị H, chị Thủy, chị Lan và chị Hà có đơn xác nhận và cam đoan không có yêu cầu gì từ bị cáo Thủy đối với số tiền thu lợi bất chính nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Thị Th về việc không yêu cầu chị Hoàng Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bị cáo số tiền lãi 45.000.000 đồng mà chị Lan còn nợ bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ của Lê Thị Thủy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, số IMEI: 351402858381513, đã qua sử dụng là công cụ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu sung công quỹ là phù hợp với các quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Riêng 01 giấy mượn tiền mang tên Trần Thị Thúy Kiều; 01 giấy mượn tiền mang tên Hoàng Thị L ngày 02/12/2024; 01 giấy mượn tiền mang tên Trương Thị Hải Yến ngày 13/5/2022; 01 giấy bán xe mang tên Phạm Thị Anh Thúy ngày 17/08/2024; 01 tờ giấy ô li mang tên Trương Thị Thu Th ngày 05/11/2023 không rõ tiêu đề; 01 tờ giấy ô li mang tên Trương Thị Thúy ngày 06/5/2022 là tài liệu chứng cứ trong vụ án, cần tiếp tục lưu theo Hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Th phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35; Điều 46; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và các điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Lê Thị Th số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo Lê Thị Th nộp sung công quỹ nhà nước số tiền (gốc) mà bị cáo dùng để cho vay mà người vay đã trả lại cho bị cáo là 127.000.000 đồng. Được trừ vào số tiền 22.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ từ bị cáo và số tiền 80.000.000 đồng bị cáo đã nộp trước khi phiên tòa diễn ra, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 25.000.000 đồng.

(Số tiền mà bị cáo bị thu giữ hiện có tại tài khoản 3949.0.10544129.000000. theo ủy nhiệm chi và số tiền bị cáo nộp theo Biên lai thu tiền số 0000075 ngày 29/8/2025, số 0000109 ngày 08/9/2025, số 0000113 ngày 09/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị)

+ Buộc bị cáo Lê Thị Th nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 63.698.630 đồng là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay.

+ Buộc người có nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Thu Th phải nộp để sung công quỹ nhà nước số tiền 330.000.000 đồng; chị Hoàng Thị L phải nộp để sung công quỹ nhà số tiền 14.000.000 đồng; chị Trần Thị H phải nộp để sung công quỹ nhà nước số tiền 4.000.000 đồng;

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Thị Th về việc không yêu cầu chị Hoàng Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bị cáo số tiền lãi 45.000.000 đồng mà chị Lan còn nợ bị cáo.

5. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, số IMEI: 351402858381513;

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 giấy mượn tiền mang tên Trần Thị Thúy Kiều; 01 giấy mượn tiền mang tên Hoàng Thị L ngày 02/12/2024; 01 giấy mượn tiền mang tên Trương Thị Hải Yên ngày 13/5/2022; 01 giấy bán xe mang tên Phạm Thị Anh Thúy ngày 17/08/2024; 01 tờ giấy ô li mang tên Trương Thị Thu Th ngày 05/11/2023 không rõ tiêu đề; 01 tờ giấy ô li mang tên Trương Thị Thúy ngày 06/5/2022.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị Th phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi liên quan chị Trần Thị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Bị cáo, người TGGT;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Tân